

Bản án số: 78/2019/DS- ST
Ngày: 01-11-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Phước

2. Bà Lê Thị Hồng Nhan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Diệp Văn T, sinh năm 1970; Địa chỉ ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Hoàng A, sinh năm 1990; Anh Lê Thanh T1, sinh năm 1990. Cùng địa chỉ ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị Trúc M, sinh năm 1983, Địa chỉ ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông T có mặt; chị A, anh T1 vắng mặt không lý do; chị M xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Diệp Văn T trình bày:

Ông Tiệp yêu cầu chị Lê Thị Hoàng A và anh Lê Thanh T1 liên đới trả cho ông số tiền nợ gốc đã vay là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, ông yêu cầu tính lãi theo qui định của pháp luật từ ngày 07-7-2018 đến khi giải quyết xong vụ án nhưng ông chỉ lấy tiền lãi là 20.000.000 đồng đúng với số tiền lãi mà ông đã nhận. Trường hợp anh T1 và chị A không trả được số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu)

đồng thì ông yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 1.898,1m² thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07-7-2018 anh T1 và chị A có vay của ông số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi thỏa thuận 5.000.000 đồng/tháng, hạn đến ngày 07/01/2019 sẽ trả toàn bộ số nợ. Hai bên có làm hợp đồng thế chấp QSD đất vào ngày 07-7-2018 đối với phần đất có diện tích 1.898,1m² thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre và công chứng tại văn phòng công chứng Phan Đức T2 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho ông. Trong thời gian thực hiện hợp đồng vay anh T1 và chị A đóng cho ông được 04 tháng tiền lãi là 20.000.000 đồng. Khi đến hạn trả nợ thì anh T1, chị A không có tiền trả nên xin gia hạn thêm 06 tháng nữa nên ông và anh T1, chị A lập hợp đồng thế chấp QSD đất lần 2 tại văn phòng công chứng Phan Đức T2 ngày 07/01/2019, hai bên thỏa thuận đến ngày 07/7/2019 anh T1, chị A sẽ thanh toán nợ nhưng đến hạn anh T1, chị A không trả vốn cũng không trả lãi.

Tại phiên tòa ông T yêu cầu chị Lê Thị Hoàng A và anh Lê Thanh T1 liên đới trả cho ông số tiền nợ gốc đã vay là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, ông không yêu cầu tính lãi. Trường hợp anh T1 và chị A không trả được số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng thì ông yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 1.898,1m² thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn chị Lê Thị Hoàng A, anh Lê Thanh T1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Trúc M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2019 như sau:

Phần đất có diện tích 1.898,1m² thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre do chị Lê Thị Hoàng A đứng tên QSD đất đã được kê biên theo quyết định số 10/QĐ-CCTHADS ngày 08/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án Quyết định số 62/2018/QĐST –DS ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện M. Theo nội dung quyết định số 62 thì chị Lê Thị Hoàng A và anh Lê Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị số tiền 186.248.000 đồng và tiền lãi. Nay ông T yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 1.898,1m² thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre chị không đồng ý vì phần đất này đã được Chi cục thi hành án kê biên để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp

hành đúng pháp luật tổ tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành không đúng pháp luật tổ tụng dân sự, cụ thể vắng mặt trong các lần tòa mời.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Lê Thị Hoàng A và anh Lê Thanh T1 phải liên đới hoàn trả cho ông Diệp Văn T số tiền vay là 200.000.000 đồng, ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 1.898,1m² thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre do chị Lê Thị Hoàng A đứng tên QSD đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tổ tụng:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã P, huyện M, căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

Bị đơn chị Lê Thị Hoàng A và anh Lê Thanh T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt chị A, anh T1 là phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Trúc M có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị M là phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Tại hợp đồng ngày 07/7/2018 ghi bên A: bên thế chấp QSD đất là bà Lê Thị Hoàng A cùng chồng là anh Lê Thanh T1, bên B: bên nhận thế chấp là ông Diệp Văn T. Hai bên thỏa thuận nghĩa vụ được bảo đảm là số tiền vay 200.000.000 đồng, lãi suất do 02 bên thỏa thuận, thời hạn vay 06 tháng, kể từ ngày 07/7/2018 đến ngày 07/01/2019, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 1.898,1m² thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, hợp đồng này được Công chứng tại văn phòng Công chứng Phan Đức T2. Đến ngày 07/01/2019 hai bên thống nhất ký vào văn bản hủy hợp đồng thế chấp ngày 07/7/2018 tại văn phòng Công chứng Phan Đức T2, sau đó hai bên lập lại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 07/01/2019 với cùng nội dung như hợp đồng ngày 07/7/2018 chỉ có thay đổi về thời gian vay là 06 tháng kể từ ngày

07/1/2019 đến ngày 07/7/2019. Xét thấy, hợp đồng này được công chứng tại văn phòng công chứng Phan Đức T2 nên có cơ sở xác định chị A và anh T1 có ký tên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản nợ vay của ông Tiệp 200.000.000 đồng. Sau khi tòa thụ lý đã ra thông báo thụ lý và triệu tập chị A, anh T1 tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị A, anh T1 không đến, không có ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh về việc anh chị không có vay của ông T 200.000.000 đồng và không thế chấp quyền sử dụng đất nên có căn cứ để xác định chị A, anh T1 có vay của ông T 200.000.000 đồng và đến thời điểm này chị A, anh T1 còn nợ ông T số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng và việc chị A, anh T1 vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ đúng hạn như đã thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của ông T buộc chị A, anh T1 hải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T số tiền vốn vay 200.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với số tiền lãi mà chị A, anh T1 đã trả cho ông T, chị A, anh T1 không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Diệp Văn T yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 1.898,1m² thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre do chị Lê Thị Hoàng A đứng tên QSD đất trong trường hợp chị A, anh T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Thấy rằng, khi làm hợp đồng thế chấp các bên không có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, hiện nay quyền sử dụng phần đất này cũng đang bị kê biên để đảm bảo thi hành bản án cho chị Lê Thị Trúc M nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc anh T1, chị A phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Xét về quan điểm đại diện Viện kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Diệp Văn T.

Buộc chị Lê Thị Hoàng A và anh Lê Thanh T1 phải liên đới hoàn trả cho ông Diệp Văn T số tiền vay là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, ghi nhận ông T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Diệp Văn T yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 1.898,1m² thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre do chị Lê Thị Hoàng A đứng tên QSD đất.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc chị Lê Thị Hoàng A và anh Lê Thanh T1 phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Hoàn trả cho ông Diệp Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu số 0005338 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (01b);
- Dương sự (03b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

